

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, GPMB
CÔNG TRÌNH KHU TÁI ĐỊNH CƯ LỆ THỦY THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ
TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG SA – DỐC
SỎI, ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN XÃ TỊNH KHÊ
ĐỊA ĐIỂM: XÃ TỊNH KHÊ, TỈNH QUẢNG NGÃI
PHƯƠNG ÁN ĐỢT 7-2026 (ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN ĐỢT 5-2026)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, CHI PHÍ PHỤC VỤ BỒI THƯỜNG
CHI PHÍ THẨM ĐỊNH VÀ CHI PHÍ KHÁC

CÔNG TRÌNH KHU TÁI ĐỊNH CƯ LỆ THỦY THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG SA - DỐC SỎI, ĐOẠN QUA ĐỊA
BÀN XÃ TỊNH KHÊ, TỈNH QUẢNG NGÃI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TỊNH KHÊ, TỈNH QUẢNG NGÃI
(PHƯƠNG ÁN ĐỢT 7-2026 (ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN ĐỢT 5 - 2026)

Phần I : Mức bồi thường, hỗ trợ:

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Hệ số điều chỉnh giá đất K=1	Đơn giá theo quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi (đồng)	Giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá các loại đất (Hoặc bảng giá đất)	Hệ số bù chênh lệch	Mức hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	ĐẤT ĐAI (A1+A2)		300,3							20.720.700
A1	Bồi thường đất nông nghiệp		300,3							20.720.700
1	Đất trồng cây hằng năm khác HNK , vị trí 1	m2	300,3	100%			69.000			20.720.700
A2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (1+2)									
B	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC									906.411
	Giếng đóng bằng ống nhựa (PVC) Ø60, không có máy bơm điện, đầu bơm tay, nền giếng (10m).									
	> 8m ÷ ≤ 12m	md	10,0	20%		211.000,0		1,018		429.596
	Kết cấu bê tông đúc sẵn (lắp ghép) cho cầu kiện độc lập (có cốt thép): 10 Trụ BTCT (0,15*0,15*2,5)	m3	0,6	20%		4.182.000,0		1,018		476.815
C	CÂY CỎI, HOA MÀU									5.821.000
	Chuối ra hoa (bắp chuối) , cho quả	cây	20,0	30%		162.000				972.000
	Chuối con đến chưa cho quả	cây	15,0	30%		42.000				189.000
	Dứa đã cho quả	bụi	280,0	30%		45.000				3.780.000
	Dứa chưa cho quả	bụi	120,0	30%		15.000				540.000
	Cò voi	m2	100,0	100%		3.400				340.000
D	MỎ MẢ									-
E	CÁC KHOẢN HỖ TRỢ									1.417.500
	Hỗ trợ ổn định đời sống 1 tháng x 30kg x 15.750 đồng	khẩu	1,0			1.417.500				1.417.500
	Tổng cộng Phần I= (A+B+C+D+E)									28.865.611

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Hệ số điều chỉnh giá đất K=1	Đơn giá theo quy định của UBND tỉnh Quảng Ngãi (đồng)	Giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá các loại đất (Hoặc bảng giá đất)	Hệ số bù chênh lệch	Mức hỗ trợ chuyển đổi nghề	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Phần II : Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ (Phần I x 3 %) tạm tính:

865.968 đồng

Phần III: Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Phần I + Phần II):

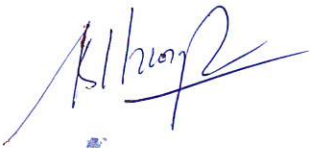
29.731.579 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi chín triệu, bảy trăm ba một nghìn, năm trăm bảy chín đồng./.)

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 9 năm 2026

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP



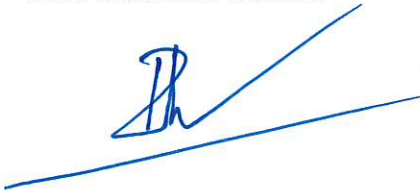
Nguyễn Thị Bích Hương

NGƯỜI KIỂM TRA



Nguyễn Thanh Long

PHÒNG NGHIỆP VỤ BỒI THƯỜNG 2
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Dương Ngọc Phổ

Đoàn Hữu Thành

BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÊ ĐẤT CỦA TỪNG TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
CÔNG TRÌNH KHU TÁI ĐỊNH CƯ LỆ THỦY THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG SA - ĐỐC SÒI, ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN XÃ TỊNH KHÊ, TỈNH QUẢNG NGÃI
PHƯƠNG ÁN ĐỢT 7-2026 (ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN ĐỢT 5 - 2026)

Phương án đã phê duyệt tại QĐ số 1168/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 (phương án đợt 5-2026)									Nay phương án được điều chỉnh thành																										
STT	Họ và tên chủ sử dụng	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Thu hồi không bồi thường (m2)	Nguồn gốc đất	STT	Họ và tên chủ sử dụng	Tờ bản đồ trích lục, chỉnh lý và biên tập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 do vẽ năm 2022								Tờ BDDC tỷ lệ 1/2000 do vẽ năm 2016				Bồi thường đất nông nghiệp					Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm				Tổng cộng (đồng)	Ghi chú		
											Số thửa	Tờ bản đồ địa chính	Tờ bản đồ dự án	Diện tích (m2)					Loại đất	Tờ BDDC	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích (m2)	Vị trí	Đơn giá đất theo NQ 40/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025	Hệ số điều chỉnh giá đất K=1	Thành tiền (đồng)	Diện tích (m2)	Giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá các loại đất (Hoặc bảng giá đất)	Mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 13 quy định kèm theo Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi			Thành tiền (đồng)	
														Đo vẽ, trích lục	Trong quy hoạch	Diện tích ngoài quy hoạch để nghị thu hồi luôn	Thu hồi bồi thường	Thu hồi không bồi thường																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	
1	UBND xã Tịnh Khê								1	Ông Dương Trâm																		20.720.700				0	20.720.700		
	Thửa đất này đã thu hồi đất tại QĐ số 1564/QĐ-UBND ngày 29/7/2026	444	1	641,7	597,2	BCS	597,2	Thửa đất 444, tờ bản đồ số 3, diện tích 641,7m2, loại đất BCS do UBND xã Tịnh Khê kê khai, trang số 22, quyền số 1. Nguồn gốc thửa đất: Thửa đất này do UBND xã quản lý		Xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi	869	116	1	300,3	300,3		300,3		HNK	5 5	282 146	220 304	L Ao	300,3	1	69.000	1	20 720 700							* Bán đổ qua các thời kỳ: - Theo bản đồ 299, lập năm 1983: Phần diện tích đất này thuộc đất giao thông. - Theo bản đồ năm 1996: + Thửa đất 146, tờ bản đồ số 5, diện tích 304m2, loại đất: Ao, do UBND xã quản lý. + Thửa đất 282, tờ bản đồ số 5, diện tích 220 m2, loại đất: L, do ông Dương Utt đứng tên trong sổ Muc Kê, Quyền 01, trang 73, không đăng ký kê khai trong sổ Địa chính Quyền số 10 - Theo bản đồ năm 2016: Thửa đất 444, tờ bản đồ số 3, diện tích 641,7m2, loại đất: BCS, do UBND xã kê khai, thuộc sổ Địa chính đất đai quyền số 01, trang 22. - Theo nội dung cuộc họp vào ngày 04/8/2026 của UBND xã và Biên bản xác định ranh giới vào ngày 05/8/2026 và bản đồ trích đo xác định diện tích ông Dương Trâm sử dụng 300,3m2, thuộc thửa đất 869 (diện tích này được chồng trên nền bản đồ năm 1996, thuộc thửa đất 282, diện tích 220m2, tờ bản đồ số 5) * Nguồn gốc đất sử dụng: Nguồn gốc đất ông Dương Trâm sử dụng từ năm 1995 cho đến, sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không thuộc đất công ích, đất nông nghiệp khác do UBND xã quản lý. Không thuộc đất cần đổi giao đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ.
									2	UBND xã Tịnh Khê																									
											868	116	1	218,7	218,7		218,7		BCS																Phần diện tích này thuộc đất UBND xã quản lý
											870	116	1	122,7	78,2		78,2		BCS																Phần diện tích này thuộc đất UBND xã quản lý
	Tổng cộng			641,7			597,2			Tổng cộng				641,7	597,2	-	300,3	296,9						300,3				20.720.700	-			-	20.720.700		

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 9 năm 2026

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Bích Hương

NGƯỜI KIỂM TRA

Nguyễn Thanh Long

PHÒNG NGHIỆP VỤ BỒI THƯỜNG 2

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Dương Ngọc Phố

Đoàn Hữu Thành

BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ NHÀ, CÔNG TRÌNH PHỤC VỤ ĐỜI SỐNG SẢN XUẤT, CÔNG TRÌNH KHÁC VÀ MÔ MẢ CỦA TỔ CHỨC, HỘ CÔNG TRÌNH KHU TÁI ĐỊNH CƯ LỆ THỦY THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG SA - ĐỐC PHƯỜNG ÁN ĐỢT 7-2026 (ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN ĐỢT 5 - 2026)

TT	Họ tên chủ hộ	Nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác										Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
		Số thửa	Loại đất	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Năm XD	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Đơn giá	Hệ số bù chênh lệch giữa các khu vực	Thành tiền (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Ông Dương Trâm										906.411	906.411	
		869	HNK	Giếng đóng bằng ống nhựa (PVC) Ø60, không có máy bơm điện, đầu bơm tay, nền giếng (10m).			2012						công trình phục vụ sản xuất
				> 8m ÷ ≤ 12m	m	10,00		20%	211.000	1,018	429.596		
				Kết cấu bê tông đúc sẵn (lắp ghép) cho cầu kiện độc lập (có cốt thép): 10 Trụ BTCT (0,15*0,15*2,5)	m3	0,56	2012	20%	4.182.000	1,018	476.815		công trình phục vụ sản xuất
	Tổng cộng										906.411	906.411	

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 9 năm 2026
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Bích Hương

NGƯỜI KIỂM TRA

Nguyễn Thanh Long

PHÒNG NGHIỆP VỤ BỒI THƯỜNG 2
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Dương Ngọc Phố

Đoàn Hữu Thành

BẢNG TÍNH CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY CỎI HOA MÀU CỦA TỪNG TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
CÔNG TRÌNH KHU TÁI ĐỊNH CƯ LỆ THỦY THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG SA - ĐỐC SỎI, ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN XÃ TỊNH KHÊ, TỈNH QUẢNG NGÃI

PHƯƠNG ÁN ĐỢT 7-2026 (ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN ĐỢT 5 - 2026)

STT	Họ và tên	Số lượng theo thực tế kiểm kê						Bồi thường, hỗ trợ						Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
		Chủng loại, quy cách cây trồng	Đơn vị tính	Số lượng	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Số lượng	Đơn giá	Thời gian trồng cây	Bồi thường, hỗ trợ (%)	Thành tiền (đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Ông Dương Trầm												5.821.000	5.821.000	
		Chuối ra hoa (bắp chuối) , cho quả	cây	20,0					20,0	162.000	2020	30%	972.000		Trồng cây sai mục đích
		Chuối con đến chưa cho quả	cây	15,0					15,0	42.000	2020	30%	189.000		Trồng cây sai mục đích
		Dứa đã cho quả	bụi	280,0	869	1	300,3	HNK	280,0	45.000	2.020	30%	3.780.000		Trồng cây sai mục đích
		Dứa chưa cho quả	bụi	120,0					120,0	15.000	2.020	30%	540.000		Trồng cây sai mục đích
		Cỏ voi	m2	100,0					100,0	3.400	2.020	100%	340.000		
2	UBND xã Tịnh Khê													0	
	TỔNG CỘNG												5.821.000	5.821.000	

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Bích Hương

NGƯỜI KIỂM TRA

Nguyễn Thanh Long

PHÒNG NGHIỆP VỤ BỒI THƯỜNG 2
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Dương Ngọc Phó

Quảng Ngãi, ngày 8 tháng 9 năm 2026

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đoàn Hữu Thành

BẢNG TÍNH CHI TIẾT CÁC KHOẢN HỖ TRỢ CỦA TỪNG TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

CÔNG TRÌNH KHU TÁI ĐỊNH CƯ LỆ THỦY THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG SA - DỐC SỎI, ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN XÃ TỊNH KHÊ, TỈNH QUẢNG NGÃI

PHƯƠNG ÁN ĐỢT 7-2026 (ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN ĐỢT 5 - 2026)

STT	Họ và tên	Hỗ trợ ổn định đời sống							Hỗ trợ hộ nghèo bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp (đồng)	Tổng cộng (đồng)	Ghi chú
		Diện tích (m2)		Tỷ lệ % thu hồi	Số khẩu hộ trợ	Số tháng hộ trợ	Đơn giá (30kg gạo x 15.750 đồng)/ tháng	Thành tiền (đồng)			
		Đất nông nghiệp sử dụng	Đất nông nghiệp thu hồi đợt này (m2)								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Ông Dương Trâm	1.308,0	300,3	22,96%	1,0	3,0	472.500	1.417.500		1.417.500	
	TỔNG CỘNG:	1.308,0	300,3					1.417.500		1.417.500	

Quảng Ngãi, ngày 8 tháng 9 năm 2026
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

PHÒNG NGHIỆP VỤ BỒI THƯỜNG 2
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Bích Hương

Nguyễn Thanh Long

Dương Ngọc Phố

Đoàn Hữu Thành

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TOÀN BỘ CHO TỪNG TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
CÔNG TRÌNH KHU TÁI ĐỊNH CƯ LỆ THỦY THUỘC DỰ ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG HOÀNG SA - DỐC SỎI, ĐOẠN QUA
ĐỊA BÀN XÃ TỊNH KHÊ, TỈNH QUẢNG NGÃI

PHƯƠNG ÁN ĐỢT 7-2026 (ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN ĐỢT 5 - 2026)

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ (đồng)				Tổng cộng (đồng)	Ghi chú	
			Đất		Nhà, công trình bị giải tỏa	Cây cối, hoa màu			Hỗ trợ khác
			Bồi thường đất	Hỗ trợ đất					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Ông Dương Trầm	300,3	20.720.700	-	906.411	5.821.000	1.417.500	28.865.611	
2	UBND xã Tịnh Khê	296,9	-			-		-	
	TỔNG CỘNG:	597,2	20.720.700	-	906.411	5.821.000	1.417.500	28.865.611	

Quảng Ngãi, ngày 8 tháng 9 năm 2026

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Bích Hương

NGƯỜI KIỂM TRA

Nguyễn Thanh Long

PHÒNG BỒI THƯỜNG NV2
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Dương Ngọc Phố

Đoàn Hữu Thành